

DANH SÁCH, DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số 1624 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chức vụ/ chức danh	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong HDLD	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số năm đóng bảo hiểm xã hội	Thời điểm tính gián biên chế	Số năm được nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí thực hiện tính gián biên chế			Tổng cộng kinh phí thực hiện tính gián biên chế (Làm tròn)	Trong đó		Lý do nghỉ tính gián biên chế
								Mức phụ cấp	Hệ số	Mức phụ cấp	Hệ số					Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH		Kinh phí do NSNN đảm bảo	Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23
TỔNG CỘNG (09 NGƯỜI)																3.134.146	817.715	1.028.530	4.980.392	4.980.392	0	
I	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (01 NGƯỜI)															513.717	102.743	143.841	760.300	760.300	0	
1	Vi Thị Hồng Lan	02/09/1972	Nữ	Thạc sĩ QLGD, ĐHSP Tiếng Anh	Giám đốc, Trung tâm GDNN-GDTX Văn Quan	5,70	0,5			31%	1,92	20.549	34,0	01/9/2026	5,0	513.717	102.743	143.841	760.300	760.300		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
II	XÃ THỐNG NHẤT (02 NGƯỜI)															513.464	205.385	287.540	1.006.388	1.006.388	0	
1	Lô Thị Thoan	30/01/1971	Nữ	Đại học giáo dục Tiểu học	Hiệu trưởng Trường PTDTBT TH Minh Phát	5,70	0,5			32%	1,98	20.706	34,0	01/9/2026	2,5	258.819	103.528	144.939	507.285	507.285		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chức vụ/ chức danh	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh hoặc mức lương theo thỏa ghi trong HDLD	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số năm đóng bảo hiểm xã hội	Thời điểm tính gián biên chế	Số năm được nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí thực hiện tính gián biên chế			Tổng cộng kinh phí thực hiện tính gián biên chế (Làm tròn)	Trong đó		Lý do nghỉ tính gián biên chế
								Mức phụ cấp	Hệ số	Mức phụ cấp	Hệ số					Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH		Kinh phí do NSNN đảm bảo	Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23
2	Nguyễn Thị Thuý	10/3/1971	Nữ	Đại học giáo dục Tiểu học	Phó Hiệu trưởng Trường PTDTBT TH Minh Phát	5,70	0,4			32%	1,95	20.372	34,0	01/9/2026	2,5	254.645	101.858	142.601	499.103	499.103		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
III	XÃ LỘC BÌNH (05 NGƯỜI)															1.644.849	406.894	453.380	2.505.124	2.505.124	0	
1	Hoàng Thị Dựng	12/09/1972	Nữ	Đại học giáo dục Tiểu học	Giáo viên Trường TH Đồng Bục	4,65	0			27%	1,26	14.941	29,0	01/9/2026	5,0	373.523	74.705	67.234	515.462	515.462		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
2	Vì Thị Hoà	24/09/1971	Nữ	Đại học giáo dục Tiểu học	Giáo viên Trường TH&THCS Hữu Khánh	5,70				32%	1,82	19.036	34,0	01/9/2026	3,5	333.125	95.179	133.250	561.554	561.554		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
3	Bế Thị Hiếu	10/11/1971	Nữ	Cao đẳng Sư phạm Tiểu học	Giáo viên Trường TH&THCS Hữu Khánh	4,89				31%	1,52	16.207	33,0	01/9/2026	3,5	283.621	81.035	105.345	470.001	470.001		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chức vụ/ chức danh	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong HDLD	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số năm đóng bảo hiểm xã hội	Thời điểm tính gián biên chế	Số năm được nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí thực hiện tính gián biên chế			Tổng cộng kinh phí thực hiện tính gián biên chế (Làm tròn)	Trong đó		Lý do nghỉ tính gián biên chế
								Mức phụ cấp	Hệ số	Mức phụ cấp	Hệ số					Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH		Kinh phí do NSNN đảm bảo	Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23
4	Vì Thị Thu Giang	31/3/1972	Nữ	Đại học giáo dục Tiểu học	Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Hữu Khánh	5,36	0,35			31%	1,77	18.925	33,0	01/9/2026	4,0	378.493	94.623	123.010	596.127	596.127		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
5	Bùi Đức Luyện	10/02/1969	Nam	Đại học Kế toán	Kế toán Trường TH Đồng Bục (Tổ trưởng Tổ Văn phòng)	4,65	0,2					12.271	24,0	01/9/2026	4,5	276.086	61.353	24.541	361.980	361.980		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
IV	XÃ YÊN BÌNH (01 NGƯỜI)															462.117	102.693	143.770	708.580	708.580	0	
1	Quách Thị Hà	25/5/1972	Nữ	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Hiệu trưởng Trường TH&THCS Hoà Bình	5,70	0,45			32%	1,97	20.539	34,0	01/9/2026	4,5	462.117	102.693	143.770	708.580	708.580		Trong năm thực hiện xét TGBC được đánh giá, xếp loại HTNV (năm học 2025-2026), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

Danh sách này ấn định 09 người./.

